

Để sức lao động trở thành hàng hóa trong nền kinh tế thị trường ngày nay

PHẠM ĐỨC CHÍNH

Đặt vấn đề

Ngày nay, trong nền kinh tế thị trường, cụm từ “hàng hóa sức lao động” trở nên quen thuộc và thị trường sức lao động cũng ngày càng phát triển hơn về quy mô và hoàn thiện hơn về cấu trúc, số lượng và chất lượng. Cùng với nó là những nhận thức mới về giá trị, về hàng hóa sức lao động. Hàng hóa sức lao động không chỉ được hiểu theo nghĩa thuần túy là mua – bán sức lao động, người làm thuê không chỉ là người bán sức lao động, mà còn là người đang kinh doanh sức lao động, tức là chất xám của chính mình. Chính điều này đã làm cho ranh giới giữa người “làm chủ” và người “làm thuê” không còn được phân định rõ ràng mà có mối quan hệ chặt chẽ, tác động qua lại với nhau, một người có thể vừa làm chủ vừa làm thuê. Do vậy, những điều kiện để trở thành hàng hóa của sức lao động đã có nhiều thay đổi và cần phải được nghiên cứu bổ sung cho phù hợp với sự phát triển của xã hội.

Trong thời đại kinh tế phát triển như vũ bão, các quá trình kinh tế đang được tri thức hóa hàng ngày, nhưng các ấn phẩm khoa học của Việt Nam dùng trong nghiên cứu, cũng như giảng dạy ở các trường đại học lại cho rằng điều kiện sức lao động trở thành hàng hóa có nguồn gốc nguyên thủy sơ khai của chủ nghĩa tư bản: “Trong mọi xã hội, sức lao động đều là yếu tố của sản xuất, nhưng sức lao động chỉ trở thành hàng hóa khi có hai điều kiện sau: thứ nhất, người lao động phải là người được tự do về thân thể của mình, phải có khả năng chi phối sức lao động ấy, và chỉ bán sức lao động đó trong một thời gian nhất định.

Thứ hai, người lao động không còn có tư liệu sản xuất cần thiết để tự mình thực hiện lao động và cũng không còn có của cải gì khác. Muốn tồn tại, họ chỉ còn cách bán sức lao động cho người khác sử dụng”¹.

Tuy nhiên, những điều kiện trên đây được các nhà nghiên cứu sau C.Mác đưa ra phù hợp với nền kinh tế thị trường sơ khai, đánh dấu một phương thức sản xuất mới vừa hình thành, đó là phương thức sản xuất tư bản chủ nghĩa. Học thuyết về lao động, bóc lột, giá trị thặng dư đã đưa C.Mác trở thành nhà tư tưởng kinh tế vĩ đại nhất thế giới của thế kỷ XIX. Những phân tích của ông có thể đúng trong xã hội mà tính đồng nhất của các loại hàng hóa rất cao và hầu hết các hoạt động sản xuất đều chủ yếu là thâm dụng lao động. Giá trị của các loại hàng hóa như nhau nhìn chung là giống nhau và sức lao động kết tinh rất lớn trong đó. Cách thức mà các nhà tư bản, những ông chủ sử dụng chủ yếu để bắt người lao động làm việc cật lực nhằm đem lại sự giàu có cho nhà tư bản là kỷ luật, là đàn áp. Chúng ta phải thừa nhận rằng, bối cảnh sơ khai của kinh tế thị trường ở những thế kỷ trước rất khác với thời hiện đại của chúng ta, việc rập khuôn cứng nhắc các lý luận của C.Mác sẽ là không phù hợp trong bối cảnh hầu hết các hoạt động kinh tế ngày nay lại thiên về

Phạm Đức Chính, TSKH., Trường đại học Kinh tế - Luật, Đại học Quốc gia TP. Hồ Chí Minh.

1. Xem: *Bộ Giáo dục và đào tạo*. Giáo trình kinh tế chính trị Mác-Lênin (dùng cho các khối ngành không chuyên kinh tế, quản trị kinh doanh trong các trường cao đẳng, đại học). Nxb Chính trị quốc gia. Hà Nội, 2003, tr 87-88 và nhiều giáo trình kinh tế chính trị khác.

thâm dụng tri thức, tài năng hơn là lao động.²

Những lập luận của C.Mác vẫn còn nguyên giá trị, nhưng chỉ riêng chúng không thể giải thích được hết tất cả thực tế sinh động hiện nay. Nền kinh tế thị trường hiện đại đã bước sang giai đoạn hậu công nghiệp, một nền kinh tế tri thức, mà sự thành bại của quá trình cạnh tranh lại phụ thuộc vào hàm lượng chất xám nằm trong mỗi sản phẩm được làm ra. Hàng hóa sức lao động là yếu tố cốt lõi để xây dựng chiến lược cạnh tranh của các doanh nghiệp, bởi vì nó là một loại hàng hóa tạo ra những hàng hóa khác và cũng chỉ có hàng hóa này mới tạo ra giá trị thặng dư cho doanh nghiệp. Trong bài viết này, chúng tôi sẽ phân tích kỹ hơn những quan điểm về điều kiện để sức lao động trở thành hàng hóa và những lý giải bổ sung trong điều kiện hoạt động của nền kinh tế thị trường hiện đại.

1. Về điều kiện thứ nhất: người lao động được tự do về thân thể hay pháp lý?

Trong thế kỷ XVIII-XIX người lao động làm thuê không được pháp luật bảo vệ, nên phải làm việc 12-14 giờ trong một ngày và quyền sở hữu sức lao động của mình cũng chỉ là hình thức. Thực tế, người lao động phải làm việc hết sức mình trong suốt thời gian lao động, về cơ bản sức lao động của anh ta bị người chủ chiếm đoạt. Người lao động chỉ được hưởng một phần rất nhỏ thành quả lao động do mình làm ra (tương đương bằng tiền hoặc hiện vật) để tái sản xuất trong mức độ nào đó sức lao động của mình. Hay nói một cách khác, người lao động không chỉ bán sức lao động mà phải bán chính bản thân mình. Trong bối cảnh đó, điều kiện cần thiết để người lao động có thể bán được chính bản thân mình là anh ta phải được tự do về "mặt thân thể"

Bước sang thế kỷ XX tình hình có nhiều thay đổi. Do ảnh hưởng rộng khắp phong trào đấu tranh của giai cấp công nhân trên toàn thế giới, quyền lợi của người làm thuê trong lĩnh vực lao động được mở rộng, ngày làm việc giảm xuống còn 8 giờ (40-44 tiếng trong một tuần). Đến cuối thế kỷ XX ở nhiều nước công

nh nghiệp phát triển tuần làm việc chỉ còn 35-38 giờ (ví dụ như ở Pháp), Nhà nước bắt đầu áp dụng chế độ bảo hiểm thất nghiệp, bảo hiểm rủi ro trong sản xuất, bảo hiểm y tế. Khi ấy, người lao động có nhiều thời gian rảnh rỗi để tái tạo khả năng lao động của mình. Trong những điều kiện đó sở hữu sức lao động đã tìm được những đặc điểm khác biệt thực sự. Người lao động thực tế chỉ chuyển quyền sử dụng sức lao động của mình trong một thời gian xác định. Nhưng cũng từ đó, người sử dụng lao động bắt đầu quan tâm tới hiệu quả sử dụng sức lao động, hiệu lực của hợp đồng cá nhân và thỏa ước lao động tập thể.

Tiến bộ khoa học kỹ thuật đã mở ra những yếu tố mới, ảnh hưởng của ngành công nghiệp thời trang đòi hỏi các nhà doanh nghiệp phải thường xuyên hoàn thiện sản xuất, tạo ra những mẫu mã sản phẩm mới, từ đó họ cũng chú ý tới việc đưa ra những yêu sách ngày càng tăng với sức lao động mà mình đã thuê mượn. Nhưng không phải tất cả mọi người lao động đều có khả năng nắm bắt những kỹ thuật mới phức tạp để thỏa mãn những đòi hỏi của nền sản xuất hiện đại, cũng như mong muốn ngày càng tăng của giới chủ. Vì vậy, người thuê lao động có khuynh hướng sa thải một bộ phận người lao động không phù hợp, hợp đồng lao động với người làm thuê ngày càng được làm đơn giản hơn, trong thời hạn ngắn hơn, với những ràng buộc pháp lý chặt chẽ hơn. Tất cả những điều đó dẫn đến sự phân định ranh giới rõ ràng hơn về quyền sở

2. Chúng ta có thể kể ra nhiều ví dụ cho trường hợp này, mà nếu chỉ sử dụng khái niệm "bóc lột" theo luận điểm của C.Mác sẽ giải thích không thỏa đáng. Thứ nhất, việc ông chủ Tập đoàn Microsoft, Bill Gates trở thành nhà tư bản hay người giàu nhất thế giới chính là nhờ ông đã tạo cho nhân loại một giá trị lớn hơn khối tài sản của ông nhiều lần, chứ không phải do ông ta bóc lột sức lao động của người khác. Thứ hai, xét về sức lao động, thu nhập của những cầu thủ bóng đá hàng đầu thế giới có thể đạt đến mức đắt nhất hành tinh, cao hơn rất nhiều lần so với những cầu thủ thông thường và cao hơn cả so với thành quả lao động ở những ngành nghề khác. Giải thích vấn đề này, các cầu thủ nhận được thù lao cao là do họ giúp cho khán giả có được niềm vui sướng nhiều hơn (lợi ích tăng thêm), thỏa mãn người hâm mộ (người tiêu dùng) nhiều hơn, chứ không phải họ lao động nhiều hơn.

hữu sức lao động giữa người lao động và người sử dụng lao động, mặc dù quyền này không được ấn định trong hợp đồng. Người lao động vẫn là người nắm giữ sức lao động của mình, còn quyền làm chủ từng phần và sử dụng nó được chuyển cho người thuê lao động trong quá trình tổ chức các hoạt động lao động.

Nhiều nhà kinh tế đương thời cho rằng, cả người thuê lao động và người lao động tham gia vào thị trường như những bạn hàng bình đẳng, như những người sở hữu bình đẳng, người thuê lao động là người chủ tư liệu sản xuất, còn người lao động là người chủ sức lao động của mình. Trong thực tế, về mặt pháp lý thì người lao động là những người chủ bình đẳng trên thị trường, nhưng về bản chất kinh tế vấn đề không phải như vậy. Người lao động bắt buộc phải bán sức lao động của mình để khỏi bị chết đói, để nuôi sống bản thân và gia đình mình, anh ta không thể sống mãi trong cảnh không có việc làm, có nghĩa là không có phương tiện để mà sống, để mà tồn tại. Trên thị trường lao động, đối tượng để đưa ra xem xét mua và bán gắn liền với chỗ làm việc xác định, cùng với những điều kiện lao động kèm theo và tiền công được đặt ra. Cuối cùng là xác định người nào vào chỗ làm việc đó, vấn đề sẽ được người thuê lao động quyết định. Khi đó người thuê lao động luôn có thể không chấp nhận hoặc sa thải bất kỳ người công nhân nào mà anh ta cảm thấy không có lợi, vi phạm hợp đồng đã ký kết cho hoạt động sản xuất kinh doanh của mình. Vì vậy, người công nhân về mặt kinh tế luôn phải phụ thuộc vào ông chủ, tức là không có sự bình đẳng nào ở đây cả.

Tuy nhiên, đặc điểm khác biệt quan trọng nhất của thị trường lao động so với các thị trường hàng hóa khác – là sự tồn tại cần thiết và ngày càng tăng của các yếu tố thể chế, pháp lý. Do vậy trong nền kinh tế tri thức hiện đại người lao động là người chủ sở hữu sức lao động đã nhận được sự đảm bảo về mặt pháp lý nhiều hơn trong quá trình đàm phán với người thuê lao động về điều kiện thuê mướn. Ký kết hợp đồng thuê mướn cho phép người làm thuê được tiếp cận tư liệu sản xuất, sức lao động được hoạt động, có nghĩa là quá

trình lao động được bắt đầu. Thêm vào đó, người lao động hoàn toàn không mất quyền sở hữu sức lao động của mình, bao gồm quyền nắm giữ, làm chủ, định đoạt và quyền sử dụng. Theo các điều kiện của hợp đồng thì người lao động chỉ chuyển quyền sử dụng sức lao động của mình trong thời gian, mà quá trình lao động diễn ra.³

Khoa học kỹ thuật ngày càng phát triển, sản phẩm làm ra ngày càng đòi hỏi phải có hàm lượng chất xám cao, thì pháp luật lao động liên kết giữa người mua và người bán cũng chặt chẽ hơn trong cuộc cạnh tranh ngày càng gay gắt mang tính toàn cầu. Cho nên điều kiện cần để bán sức lao động là, người lao động phải được tự do về mặt thân thể không còn phù hợp nữa. Thay vào đó là những điều kiện chặt chẽ hơn để đảm bảo lợi ích cho cả người sử dụng lao động và người lao động, khi sức lao động được đem đi bán thì người lao động phải được tự do về mặt pháp lý và phải có khả năng làm chủ hoàn toàn sức lao động của mình. Trong thực tế chúng ta đã thấy, có những trường hợp bị mất tự do về mặt thân thể nhưng vẫn có thể được bán sức lao động, ví dụ như ở một vài nước vẫn cho phép tù nhân được kinh doanh hoặc làm thuê kiếm tiền trong điều kiện cho phép của nhà tù. Ngược lại, nhiều công ty khi ký hợp đồng lao động có điều kiện, đã yêu cầu người lao động không được làm những công việc kiêm nhiệm trong cùng lĩnh vực kinh doanh mà hợp đồng đã quy định. Ký hợp đồng độc quyền là trường hợp đòi hỏi người lao động phải được tự do về mặt pháp lý. Trong trường hợp này, tự do về mặt thân thể không đảm bảo rằng buộc trách nhiệm pháp lý trong những điều kiện có thể dễ dàng bị tổn thất lợi ích cho một bên nào đó khi tham gia vào thị trường. Chúng tôi muốn nhấn mạnh rằng, tự do về mặt pháp lý có đầy đủ ý nghĩa trong nền kinh tế thị trường phát triển, và về bản chất khác hoàn toàn với tự do về mặt thân thể. Đây là yếu tố cần phải điều chỉnh khi nghiên cứu về điều kiện trở thành hàng hóa của sức lao động.

3. Xem: *Bulanop V.C. Volgin N.A.* Thị trường lao động. Bản tiếng Nga. M., 2000, tr.21.

2. Về điều kiện thứ hai: trong điều kiện nào người lao động sẽ bán sức lao động của mình?

Như chúng ta đã biết, hàng hóa sức lao động là một phạm trù mang tính lịch sử, do đó nó cũng có những biến đổi trong những hoàn cảnh cụ thể theo tiến trình phát triển của lịch sử. Cũng trong các ấn phẩm khoa học của Việt Nam, ở điều kiện thứ hai nói rằng, người lao động phải bị mất đi công cụ sản xuất, phương tiện để tồn tại là điều kiện cần thiết để họ cung cấp sức lao động ra thị trường.

Trong nền kinh tế thị trường, sự phân hóa thu nhập là tất yếu và khoảng cách giàu nghèo đã chia xã hội ra thành các tầng lớp dân cư có mức thu nhập khác nhau. Nhiệm vụ của Nhà nước là tiến hành phân phối lại để giảm đi khoảng cách này. Tuy nhiên, các Nhà nước khác nhau thì nhiệm vụ này cũng được tiến hành rất khác nhau. Do vậy, nhóm có thu nhập thấp nhất trong xã hội, mặc dù vẫn có thu nhập, có phương tiện để tồn tại, nhưng chưa phải là đầy đủ để có thể tái tạo sức lao động một cách bình thường. Trong những điều kiện có lợi cho mình thì nhóm dân cư có thu nhập cao hơn cũng vẫn bán sức lao động của mình để thỏa mãn nhu cầu ngày càng tăng về vật chất và tinh thần trong xã hội đang hướng đến tiêu thụ thực dụng. Điểm này đánh dấu nhận định, trong nền kinh tế thị trường người lao động vẫn bán sức lao động trong điều kiện vẫn có phương tiện để tồn tại.

Tuy nhiên, trong điều kiện nền kinh tế phát triển như hiện nay, cùng với quá trình cổ phần hóa rộng rãi các doanh nghiệp nhà nước, cũng như việc hình thành ngày càng có xu hướng tăng số lượng các công ty cổ phần, điều kiện này cũng đã có nhiều biến đổi. Sự phát triển mạnh mẽ của thị trường chứng khoán, mà cơ sở để cung cấp hàng hóa cho thị trường này chính là cổ phiếu của các công ty cổ phần, làm cho các loại hình sở hữu trở nên đa dạng và đã tạo điều kiện cho người công nhân có cơ hội nắm giữ một phần sở hữu trong công ty.

Ngoài việc được nắm giữ cổ phiếu của doanh nghiệp để từ đó có cơ hội tăng thêm thu

nhập từ cổ tức, người lao động còn có nhu cầu hoặc mong muốn làm thêm ở một công sở khác, hoặc là ngay tại chính nơi mình đang làm việc. Việc làm này các nhà kinh tế gọi là việc làm phụ. Việc làm phụ là hình thức sử dụng sức lao động bổ sung vào hoạt động lao động, hay nói cụ thể là việc làm có thu nhập thêm ở doanh nghiệp (công sở) khác hoặc là ngay tại nơi làm việc, đang được sử dụng rộng rãi ở các nước trên thế giới, bao gồm cả Việt Nam. Tại các nước phương Tây có nền kinh tế thị trường phát triển nó chiếm khoảng từ 3-5% số người đang làm việc và thường nằm ở nhóm người có việc làm không trọn ngày. Trong đa số các trường hợp việc làm phụ đem lại cho người lao động nguồn thu nhập bổ sung.

Hình thức việc làm thêm không chỉ là tăng thêm thu nhập hay thể hiện khả năng của người lao động trên thị trường, mà còn phù hợp với những điều kiện thay đổi tình hình kinh tế xã hội của quốc gia. Thị trường lao động linh hoạt đòi hỏi phải đa dạng hóa các loại hình tổ chức lao động và sử dụng sức lao động. Kết quả là hình thành những phương pháp tiếp cận mới về việc làm được thể hiện trong khái niệm việc làm tổng thể. Sự linh hoạt của người làm thuê trên thị trường lao động, tính cơ động xã hội, chuyên môn và nghề nghiệp của họ, biết cách tìm kiếm chỗ làm việc cho mình trong bối cảnh thay đổi của các quan hệ lao động xã hội chắc chắn sẽ tăng khả năng cạnh tranh và đảm bảo việc làm thậm chí cả trong những bối cảnh khủng hoảng kinh tế.

Trong thời kỳ chuyển đổi sang quan hệ thị trường việc làm thêm rất được phổ biến dưới dạng kiêm nhiệm, phục vụ dân sinh như: sửa chữa đồ dân dụng, xây dựng, dịch vụ sinh hoạt hàng ngày, dạy thêm, dạy kèm, chữa bệnh ngoài giờ và đồng thời cả ở trong các cơ sở nghiên cứu khoa học và các cơ sở giáo dục, trong cả bộ máy công vụ nhà nước. Nhưng trong thời kỳ kinh tế kế hoạch hóa bao cấp những việc làm này không được thừa nhận và cho rằng, đó là những việc làm chạy theo thu nhập bổ sung và làm cản trở công việc. Trong

thời gian gần đây những quan niệm cũ đã được dỡ bỏ, số lượng người làm kiêm nhiệm tăng lên đáng kể, nhưng trong hệ thống thống kê của Việt Nam khái niệm việc làm phụ vẫn chưa được quan tâm đầy đủ, nên số liệu thống kê về những người có việc làm kiêm nhiệm không được đề cập tới. Số liệu này ở các nước phát triển thường chiếm tỷ lệ vào khoảng 7-9%, cá biệt có nước lên tới 14-20%⁴.

Chúng ta thấy rằng, nếu người lao động mất đi công cụ sản xuất, và phương tiện tồn tại là điều kiện cần để họ cung cấp sức lao động ra thị trường. Tuy nhiên trong điều kiện nền kinh tế phát triển như hiện nay, cùng với quá trình cổ phần hóa các doanh nghiệp, điều kiện này đã có nhiều sự biến đổi. Sự phát triển mạnh mẽ của thị trường chứng khoán làm cho sở hữu trở nên đa dạng và tạo điều kiện cho người công nhân nắm giữ một phần sở hữu trong công ty. Như vậy người lao động vẫn còn phương tiện để tồn tại, vẫn có tư liệu sản xuất nhưng lại vẫn bán sức lao động trên thị trường.

Trong nền kinh tế thị trường, hình thức công ty cổ phần là giai đoạn phát triển bậc cao của sản xuất tư bản chủ nghĩa, khi ấy sẽ diễn ra quá trình tách rời sở hữu ra khỏi vốn. Theo C.Mác thì trong những điều kiện này, hình thức cổ phần đó là điểm chuyển đổi cần thiết, nhưng không phải vào sở hữu cá nhân của những nhà sản xuất riêng rẽ, mà vào sở hữu của những nhà sản xuất liên hiệp, vào trực tiếp sở hữu công cộng.⁵

Nhìn lại khuynh hướng phát triển hình thức công ty cổ phần từ cuối thế kỷ XIX, đặc biệt là từ sau Đại chiến thế giới thứ hai thì chúng ta thấy, trong những công ty lớn ở các nước phát triển có một lượng lớn người nắm giữ cổ phần, trong số đó có một bộ phận đáng kể là công nhân và nhân viên, đó là biểu hiện dân chủ hóa nguồn vốn hay một số nhà kinh tế còn gọi là chủ nghĩa tư bản nhân dân. Ngay từ cuối thế kỷ XIX E.Bernstein và những cộng sự của mình đã khẳng định rằng, con đường lan rộng giữa những người lao động một khối lượng xác định cổ phiếu có thể làm cho chủ

nghĩa tư bản chuyển thành chủ nghĩa xã hội.⁶ Như vậy, lợi tức cổ phần đã đưa người công nhân (người bán sức lao động) lên vị trí làm chủ sở hữu. Đây chính là sự giải thích rõ ràng nhất về vị thế của người lao động trong nền kinh tế thị trường, vừa làm ông chủ và vừa là người làm thuê, vẫn có phương tiện để tồn tại mà vẫn bán sức lao động.

Thêm nữa, trong nền kinh tế thị trường sơ khai thì khái niệm “người làm chủ” được hiểu là, những người có quyền quyết định quá trình sản xuất, kinh doanh một sản phẩm hay dịch vụ cụ thể nào đó để tạo ra lợi nhuận. Như vậy, theo cách hiểu này, một người nào đó có thể kiếm được lợi nhuận nhờ vào hoạt động sản xuất kinh doanh của mình hay một chủ doanh nghiệp thành đạt, giàu có đều được gọi là những “ông chủ”. Ngược lại, những người làm việc theo hợp đồng, theo sự phân công, chỉ dẫn của người khác và được trả công cho những hợp đồng đó thì được gọi là người làm thuê. Hay nói cách khác, người làm thuê là người đi bán sức lao động của mình cho người có nhu cầu sử dụng nó trong quá trình sản xuất ra của cải vật chất hay tinh thần cho xã hội.

Tuy nhiên, khi xã hội hậu công nghiệp đã chuyển sang nền kinh tế tri thức thì cách nhìn nhận, đánh giá vấn đề không phải hoàn toàn như vậy nữa. Người được gọi là làm thuê (là người làm công ăn lương), thì lại chính là người đang kinh doanh chất xám của chính mình và đang làm chủ hoạt động kinh doanh của mình, đó là kinh doanh tri thức, mà kết quả của nó được đúc kết trong cấu thành sản phẩm để tạo ra giá trị gia tăng cho doanh nghiệp cao hơn nhiều trong tương lai. Người kinh doanh tri thức cũng luôn luôn mong muốn chào bán được hàng với một mức lợi nhuận kỳ vọng nào đó. Sản phẩm của tri thức rất đặc biệt như: không có giới hạn sử dụng,

4. Xem: Kostin L.A. Thị trường lao động Nga: vấn đề lý thuyết, lịch sử và thực tế. M., 1998, tr.149.

5. Xem: C.Mác. Tuyển tập. Tập 25, phần 1, tr 479.

6. Xem: E.P.Pivovarova. Chủ nghĩa xã hội với đặc thù Trung Quốc: kết quả tìm kiếm lý thuyết và thực tế. Nxb Hóa học và kinh doanh Matxcova. 1999, tr 136.

không có khấu hao, không bị ảm mốc, lỗi thời (bởi vì nó cũng thường xuyên được cập nhật, làm mới, bổ sung những giá trị mới). Những người kinh doanh chất xám cũng đặt ra mục tiêu tăng trưởng doanh số và lợi nhuận hàng năm cho mình, năm sau sẽ phải cao hơn năm trước. Những người nắm giữ tri thức không sợ bị thua lỗ, tồn kho, hết hàng hay phá sản, không phải đối phó với những chính sách thay đổi của Nhà nước, hay với sự quan liêu của bộ máy chính quyền hành pháp. Khi đó, những người làm thuê đang kinh doanh chất xám của mình lại có vị thế mới và trở thành người làm chủ tri thức mà mình đã tích lũy được. Hay nói một cách đầy đủ, tri thức chỉ tồn tại trong hàng hóa sức lao động, mà là một loại hàng hóa tạo ra những hàng hóa khác, tức là, hàng hóa của mọi hàng hóa đã làm thay đổi cơ bản quan điểm về người làm chủ và người làm thuê.

Trên thế giới ngày nay, những người kinh doanh chất xám của mình thu được "lợi nhuận ròng", mà tỷ lệ của nó đang chiếm vị trí dẫn đầu và ở mức rất cao như: những giám đốc điều hành, nhà quản lý cấp cao, những kỹ thuật viên cao cấp một con số mơ ước của hàng vạn ông chủ các doanh nghiệp sản xuất, kinh doanh có quy mô nhỏ và vừa. Giống như mọi doanh nghiệp có kết quả kinh doanh tăng trưởng khác, con số lợi nhuận của những người kinh doanh chất xám vẫn tiếp tục tăng lên không ngừng hằng năm. Thêm vào đó, người kinh doanh chất xám còn có cơ hội sở hữu cổ phiếu của chính công ty nơi đang mua chất xám của mình. Trong thế giới ngày nay, những giám đốc điều hành của các công ty lớn thường được trả lương qua cổ phiếu, thu nhập của anh ta được gắn liền với sự tăng trưởng của lợi nhuận kinh doanh, điều đó chứng minh rõ ràng nhất xu thế ràng buộc trách nhiệm, vị thế của một con người vừa làm thuê và vừa làm chủ trong bối cảnh khốc liệt của cạnh tranh toàn cầu. Kinh doanh chất xám rõ ràng là một loại hình kinh doanh có rất ít rủi ro, nhưng lại có khả năng thu được lợi nhuận rất cao.

Cũng như trước đây, người chủ được coi là người mua sức lao động. Tuy nhiên, theo cách nhìn nhận trong nền kinh tế tri thức ngày nay, ông chủ ấy đã không hiểu được chính ông ta lại đang là khách hàng, hoặc là một trong những khách hàng tiềm năng của người làm thuê. Tất nhiên, theo quan hệ cung cầu thị trường các ông chủ khách hàng này không phải lúc nào cũng có thể mua được hàng. Có lúc muốn mua nhưng người bán không bán, có lúc thiếu hụt hàng hóa khách hàng phải chạy đôn chạy đáo tìm kiếm, thậm chí phải bỏ tiền ra cho nhà môi giới (ví dụ như các công ty săn đầu người) thì mới mua được hàng. Ông chủ ấy không hiểu được rằng người làm chủ tri thức cũng có quyền "làm giá", "tích hàng". Mỗi một loại hàng hóa khác nhau cũng tương ứng với những mức giá khác nhau, khách hàng sẽ phải trả các mức giá phù hợp cho từng loại hàng hóa muốn mua. Người kinh doanh tri thức bây giờ, thậm chí, đã có quyền lựa chọn khách hàng, có quyền tìm khách hàng "đủ tầm" và tiềm năng để chào bán, hợp tác. Mỗi ngày có hàng ngàn doanh nghiệp bị phá sản, đóng cửa, trong khi đó ngành kinh doanh chất xám vẫn phát triển không ngừng. Nó bền vững, nhiều triển vọng và có tính kế thừa cho các đời sau noi theo. Khi nền kinh tế tri thức phát triển, ngành kinh doanh chất xám lên ngôi cũng đồng nghĩa với việc ranh giới giữa người làm chủ và người làm thuê ngày càng bị thu hẹp.

Trong mô hình kinh tế xã hội chủ nghĩa cổ điển (theo khuôn mẫu Xô viết), khái niệm "bóc lột" thường được hiểu là phần giá trị thặng dư của người lao động làm ra bị người chủ tư liệu sản xuất (người thuê lao động) nắm giữ, chiếm đoạt cho riêng mình. Tức là, người lao động làm thuê luôn luôn là người bị bóc lột đến cùng cực. Khi mà ranh giới giữa làm chủ và làm thuê không còn rõ ràng nữa thì khái niệm bóc lột trong nền kinh tế hiện đại cũng không thể hiểu thuần túy như trước đây nữa. Người làm chủ tư liệu sản xuất, những ông chủ doanh nghiệp đây uy quyền lại đang là người làm thuê cho chính các cổ đông của mình. Ngược lại, người bán sức lao động, :

người làm thuê lại chính là người làm chủ chất xám của mình. Người làm chủ tri thức, đem chất xám của mình bán cho người có nhu cầu (thường là chủ tư liệu sản xuất) với một mức giá mà anh ta có lợi nhất, tức là mức giá phải lớn hơn chi phí cho việc tích lũy tri thức đó. Thực tế cho thấy, ngành kinh doanh chất xám đang là ngành thu lợi nhuận cao nhất, nhưng lại ít rủi ro. Như vậy, vấn đề tranh cãi bây giờ là, ai bóc lột ai, người kinh doanh chất xám (người bán sức lao động) hay người nắm giữ tư liệu sản xuất (người mua sức lao động)?

Như vậy, trên thị trường hiện nay có nhiều người, mặc dù, vẫn còn tư liệu sản xuất nhưng vẫn bán sức lao động do việc bán sức lao động này (kinh doanh chất xám) mang lại cho họ khoản thu nhập cao hơn so với việc tự tổ chức sản xuất kinh doanh, hoặc mở ra những doanh nghiệp với quy mô nhỏ sẽ không thể có lợi nhuận cao hơn so với việc bán chất xám.

Như vậy, ngoài lý do cơ bản *đầu tiên* đưa người lao động đến việc phải bán sức lao động, là không còn tư liệu sản xuất và phương tiện để tồn tại, thì còn những nguyên nhân khác phải bổ sung. Đó là, *thứ hai*, người lao động mong muốn có thu nhập tăng thêm, khi mà mức tiền thù lao ở chỗ làm việc chính không đảm bảo được những đòi hỏi cơ bản về vật chất và tinh thần ngày càng tăng cho bản thân và gia đình họ. Tuy nhiên, vì lý do này hay lý do khác người lao động không thể bỏ việc ở đây để mà tìm công việc khác có thu nhập cao hơn. Tình thế cụ thể mà sinh ra những mong muốn làm thêm để tăng thu nhập rất khác nhau, nhưng còn tồn tại cả những quy luật khách quan phát sinh ra chúng. *Thứ ba*, người lao động mong muốn thể hiện khả năng cạnh tranh của bản thân mình trên thị trường. Đây là lý do cơ bản đưa người lao động từ vị thế làm thuê trở thành người làm chủ khả năng lao động, giá trị lao động của mình trong nền kinh tế tri thức, mà yếu tố chất xám trong mỗi đơn vị sản phẩm đòi hỏi ngày càng tăng. Trong bối cảnh hợp tác có hiệu quả với tổ chức mới, khi mà chỗ làm việc thêm này phù hợp với những tính

chất chuyên môn, nghề nghiệp của người lao động và không đòi hỏi phải đào tạo lại thì đó là cơ hội tốt nhất cho người lao động thể hiện khả năng của mình (kinh doanh chất xám của chính mình). Trong trường hợp này, cơ hội đã đến với người lao động như một “cái cầu đặc biệt” đảm bảo thay thế chỗ làm việc mà không phải trải qua thời kỳ thất nghiệp và sẽ được thích ứng lâu dài trong công sở mới.

Từ phân tích trên đây cho chúng ta thấy, trong nền kinh tế thị trường hiện nay, người lao động không phải hoàn toàn mất hết tư liệu sản xuất và phương tiện để tồn tại, nhưng anh ta vẫn tham gia vào thị trường trong vai người bán sức lao động. Hơn nữa, trong thực tế hiện nay, mức độ chuyên môn hóa cao đã làm cho giá trị sức lao động được đem bán trên thị trường có thể đưa đến cho người lao động một mức thu nhập cao hơn so với việc họ tự sử dụng tư liệu sản xuất đó để phục vụ bản thân. Tức là, trong cả trường hợp mức thu nhập không đủ để tồn tại và cả khi mức thu nhập đã có dư để tích lũy, như đã phân tích trên đây, đều đưa người lao động đến bán sức lao động. Hay nói cách khác, điều kiện thứ hai là, chỉ khi nào người lao động bị mất hết tư liệu sản xuất và phương tiện để tồn tại mới bán sức lao động, cũng không còn phù hợp nữa vì nó không thể lý giải đầy đủ bản chất của các quá trình giao dịch diễn ra trên thị trường lao động.

3. Điều kiện thứ ba – cần bổ sung: trên thị trường có người nắm giữ tư liệu sản xuất và đồng thời phải có khả năng mua nó

Quá trình tích lũy nguyên thủy tư bản cũng đã tập trung vốn vào tay một số người đó là những nhà tư bản, người nắm giữ tư liệu sản xuất, làm xuất hiện nhu cầu thuê mướn nhân công phục vụ cho quá trình sản xuất. Sự tồn tại một đội ngũ nhà tư bản là điều kiện đủ cho sức lao động làm thuê được sử dụng trên thị trường, hay nói một cách khác là làm cho nó được mua bán, trao đổi và thực sự trở thành hàng hóa. Nếu điều kiện này không có thì trên thị trường chưa thể hình thành một

quan hệ cung – cầu đầy đủ theo đúng nghĩa mua và bán. Nếu không có cầu về loại hàng hóa này hay loại hàng hóa kia thì có thể dẫn tới việc cả khả năng thứ nhất và cả khả năng thứ hai không được sử dụng. Khi đó người nắm giữ sức lao động chuyển vào đội quân những người thất nghiệp (hay còn gọi là nguồn dự trữ lao động), nhưng quan trọng hơn là họ không biết bán sức lao động cho ai, đồng nghĩa với nó là quan hệ cung cầu không được xác lập, thị trường sẽ không được hình thành.

Người thuê lao động, - đó là cá nhân đang làm việc độc lập và thường xuyên thuê một hay nhiều người làm việc. Hiện nay, các số liệu thống kê không cung cấp đầy đủ số lượng và chưa có những phân tích chi tiết về thành phần, chất lượng người thuê lao động. Trong các doanh nghiệp nhỏ người thuê lao động thường thường là người chủ sở hữu tư liệu sản xuất. Trong các công ty cổ phần lớn và các doanh nghiệp nhà nước người thuê lao động chính là người làm thuê của cổ đông, hoặc là chính người đại diện cho Nhà nước. Trong các công ty cổ phần người thuê lao động là những nhà quản lý, mà có thể có một phần (đôi khi là không nhỏ) cổ phiếu của doanh nghiệp. Trong các doanh nghiệp nhà nước người lãnh đạo (giám đốc) không nắm giữ tư liệu sản xuất. Nhà quản trị và giám đốc quản lý quá trình sản xuất, thực hiện nhận và sa thải lao động thay mặt cổ đông và Nhà nước (người đại diện cho toàn dân).

Ở đây còn thể hiện thêm một đặc biệt nữa của sức lao động. Giá trị những kết quả lao động do sức lao động tạo ra, sẽ phải lớn hơn giá trị sức lao động, còn nếu không thì sẽ không có ai quan tâm để mua nó. C.Mác đã chỉ dẫn rằng, giá trị sử dụng của sức lao động chính là ở chỗ, nó có khả năng tạo ra giá trị thặng dư, và lợi nhuận từ nguồn vốn đầu tư.

Kết luận

Tất cả những phân tích trên đây cho chúng ta thấy rằng, trong nền kinh tế thị trường thay đổi thì hàng hóa sức lao động cũng không nằm ngoài ảnh hưởng. Vậy, khi nào và

cần những điều kiện gì thì sức lao động sẽ chuyển thành hàng hóa? Tổng kết lại những gì đã được phân tích trên đây, chúng tôi thấy, cần và đủ phải hội tụ đủ ba điều kiện sau đây:

1. Người lao động phải được tự do về mặt pháp lý, có khả năng hoàn toàn làm chủ sức lao động của mình.

2. Người lao động không chỉ bán sức lao động khi bị mất tư liệu để sản xuất và phương tiện tồn tại, mà còn cả trong điều kiện có lợi cho mình để thỏa mãn nhu cầu vật chất và tinh thần ngày càng tăng, cũng như thể hiện khả năng cạnh tranh của bản thân mình trên thị trường.

3. Trên thị trường phải có người nắm giữ tư liệu sản xuất, và đồng thời có khả năng mua sức lao động.

Trong những điều kiện đó khả năng hợp pháp để người lao động có thể tồn tại được và tồn tại đang hoàng trong một xã hội có nhu cầu vật chất và tinh thần ngày càng tăng không ngừng là bán sức lao động của mình cho người chủ tư liệu sản xuất. Trong nền kinh tế thị trường tất cả những điều kiện này đều có sẵn. Kết quả là trong xã hội hình thành một hệ thống quan hệ lao động thuê mướn, sức lao động trở thành hàng hóa./

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Bộ Giáo dục và đào tạo. Giáo trình kinh tế chính trị Mác-Lenin (dùng cho các khối ngành không chuyên kinh tế, quản trị kinh doanh trong các trường cao đẳng, đại học). Nxb Chính trị quốc gia. Hà Nội, 2003.
2. Phạm Đức Chính, *Thị trường lao động: cơ sở lý luận và thực tiễn hình thành ở Việt Nam*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2005.
3. Bulanop V.C. Volgin N.A. *Thị trường lao động*. Bản tiếng Nga. M., 2000.
4. Kostin L.A. *Thị trường lao động Nga: vấn đề lý thuyết, lịch sử và thực tế*. M., 1998.
5. C.Mác. *Tuyển tập*. Tập 25, phần 1.
6. E.P.Pivovarov. *Chủ nghĩa xã hội với đặc thù Trung Quốc: kết quả tìm kiếm lý thuyết và thực tế*. Nxb Hóa học và kinh doanh, Matxcova, 1999.